

LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU MÀU SẮC VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG TỚI TRƯỜNG PHÁI NGHỆ THUẬT CHÂU ÂU TỪ CUỐI THẾ KỶ 19 ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ 20

NGUYỄN MINH KIÊN

Email: minhkiendesign@gmail.com

Trường Đại học FPT

THE HISTORY OF COLOR STUDY AND THE INFLUENCES ON THE EUROPEAN ART SCHOOL FROM THE LATE 19TH TO THE EARLY 20TH CENTURY

TÓM TẮT

Màu sắc là một trong những thành tố quan trọng của hội họa. ngoài yếu tố vật lý, màu sắc còn tác động tới tâm lý và sinh lý thị giác. Nghệ thuật tiền sử cũng sử dụng yếu tố màu sắc để diễn tả hình thể của vật thể trong thế giới khách quan cách đây khoảng 30.000 năm. Những nghiên cứu về màu sắc có bắt đầu từ thế kỷ 3 trước Công nguyên. Những kết quả nghiên cứu về màu sắc đều có tác động tới phương pháp cũng như các trào lưu nghệ thuật. Bài báo tập trung nghiên cứu lịch sử màu sắc cho tới thế kỷ 19 và những ảnh hưởng của lý thuyết màu sắc tới các trào lưu nghệ thuật của các họa sỹ châu Âu từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, từ đó cho chúng ta biết được sự ảnh hưởng của khoa học tới nghệ thuật, Những kinh nghiệm đó có thể giúp chúng ta định hình phương pháp tiếp cận trong kỷ nguyên công nghệ số.

Từ khóa: Lịch sử, màu sắc, nghệ thuật châu Âu, trường phái



ABSTRACT

Color is one of the important factors of painting. In addition to physical factors, color also affects psychology and physiology of vision. Prehistoric art also used the color to express the form of an object in the objective world about 30.000 years ago. Studies on color were started in 3rd century BC. The color study results have influenced the methodology as well as artistic trends. The paper focuses on the history of color study until the 19th century and influences of color theory on the artistic trends of European painters from late 19th to early 20th century. Thereby, we understand how science affects art. These experiences can help us shape our approach in the digital age.

Keywords: History, color, European art, school

Trong nghệ thuật hội họa, một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng là màu sắc. Không chỉ yếu tố đường nét, yếu tố màu sắc cũng được thể hiện trong phương thức tạo hình độc đáo của nghệ thuật tiền sử, Đại sảnh bò mộng trong hang đá Lascaux với những hiệu ứng màu sắc tinh tế, các loại màu được tạo thành từ khoáng vật hoặc thực vật. Nhu cầu tái hiện lại hình ảnh từ thế giới tự nhiên cũng như thể hiện sắc thái cảm xúc, nhân loại đã sử dụng mọi phương thức để biểu đạt, trong đó có yếu tố màu sắc. Lịch sử nghiên cứu về màu sắc bắt đầu từ thế kỷ 3 trước Công nguyên, sau đó là rất nhiều học thuyết khác được đưa ra và tác động tới những quan điểm và phương pháp

hòa sắc màu trong hội họa. Trào lưu nghệ thuật cuối từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 khai thác những công nghệ mới như nhiếp ảnh, màu vẽ đóng tuýp và những màu sắc nhân tạo mới lạ, các nghệ sỹ đã tạo nên những tác phẩm tái hiện những khoảnh khắc sống động của thế giới khách quan, nhất là sự chuyển động của ánh sáng với hòa sắc rực rỡ, tươi sáng. Những tác phẩm được thực họa ngoài trời theo kỹ thuật alla prima chứ không theo lối vẽ tại xưởng họa như các trào lưu trước đó. Ngoài ra, những học thuyết màu sắc cũng ảnh hưởng tới phong cách thể hiện của các trường phái hội họa châu Âu trong giai đoạn này.

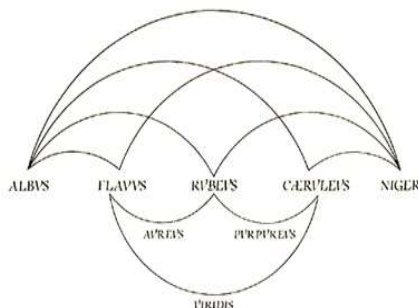
1. Lịch sử nghiên cứu màu sắc

Màu sắc trên thực tế là sự cảm nhận ánh sáng của sinh lý thị giác. Mọi liên hệ giữa màu sắc và ánh sáng được Aristoteles đề cập từ thế kỷ 3 trước Công nguyên, tới thế kỷ 15, Piero della Francesca cho rằng sự phân bố ánh sáng là vấn đề thuộc lĩnh vực màu sắc. Bản chất ánh sáng không màu, chúng ta cảm nhận màu sắc thông qua sự cảm nhận của tế bào thụ quan trên võng mạc đối với sóng ánh sáng. Sóng ánh sáng có phổ rất rộng, tuy nhiên sinh lý thị giác mắt người chỉ cảm nhận được dải sóng từ 380 nm - 780 nm. Các bước sóng ánh sáng khác nhau được thị giác tiếp nhận, truyền tín hiệu qua thần kinh thị giác và xử lý thông tin tại não bộ, mỗi bước sóng sẽ tương ứng với màu sắc trong vùng phổ khả kiến. Vật thể trong thế giới tự nhiên cũng không có màu sắc, mà chỉ hấp thụ và phản xạ lại ánh sáng, ví dụ một vật thể hấp thụ toàn bộ sóng ánh sáng và phản xạ lại ánh sáng có bước sóng từ 630 nm - 750 nm sẽ cho cảm nhận thị giác vật đó màu đỏ, vật thể phản xạ lại ánh sáng có bước sóng từ 450 nm - 490 nm sẽ cho cảm nhận thị giác vật đó màu lam.

Johan Wolfgang Goethe, nhà văn và họa sỹ người Đức, đã nghiên cứu về màu sắc và cho rằng màu sắc ẩn chứa những năng lượng tác động đến cảm xúc, điều này ảnh hưởng mạnh mẽ tới phương pháp sử dụng màu trong hội họa. Trên thực tế, không thể sao chép chính xác màu từ thế giới khách quan vào hội họa bằng cách pha màu cơ học, vì vậy hòa sắc hội họa chỉ mang giá trị tương đối và mục đích tạo ảo giác. Màu sắc theo quan niệm triết học phương Đông được thiết lập theo thuyết ngũ hành như màu trắng tương ứng với hành Kim, màu lục tương ứng với hành Mộc, màu đen tương ứng với hành Thủy, màu đỏ tương ứng với hành Hỏa, màu vàng tương ứng với hành Thổ, trong đó trắng, vàng, đỏ thuộc về Thái dương, đen và lục thuộc về Thái âm. Nếu theo biểu đồ Bát quái, màu vàng được xem là trung tâm, màu lục là hướng Đông, quẻ Chấn, hành Mộc, vị trí của Thanh long, màu đỏ là hướng Nam, quẻ Ly, hành Hỏa, vị trí của Chu tước, màu trắng là hướng Tây, quẻ Đoài, hành Kim, vị trí của Bạch hổ, và màu đen là hướng Bắc, quẻ Khảm, hành Thủy, vị trí của Huyền vũ. Như vậy, nếu như ánh sáng thuộc phạm trù vật lý với khái niệm sóng, hạt, tần số v.v. thì màu sắc thuộc phạm trù sinh lý, tâm lý và triết học. Aristoteles là người đầu tiên nghiên cứu về màu sắc với cuốn sách *Peri Aistheseos kai Aistheton* (Về cảm nhận và những gì được cảm nhận) xuất bản khoảng thế kỷ 3 trước Công nguyên, Aristoteles cho rằng màu sắc là thuộc tính của vật thể, các màu hình thành do sự pha trộn với tỷ lệ khác nhau của hai màu nguyên thủy là trắng (albus) và đen (niger), thứ tự các màu từ sáng tới tối theo nguyên lý chuỗi màu tuyến tính lần lượt là trắng, vàng, đỏ, tím, lục, lam, đen. Kế thừa nguyên lý màu sắc của Aristoteles, vào năm 325 trước Công nguyên, Chalcidius đưa ra quan điểm trong cuốn

sách *Timaeus* của Plato, cho rằng thứ tự phổ màu là trắng, vàng, đỏ, lam, đen. Năm 1245, Batholomaeus Anglicus trong cuốn sách *De rerum naturalis* (Về các vấn đề tự nhiên) đưa ra phổ màu là trắng, vàng, cam, đỏ, tím, lục, đen. Thứ tự các màu của Leonard de Vinci trình bày trong cuốn sách *Tratto della pictura* (Khảo luận về hội họa) là trắng, vàng, lục, lam, đỏ, đen, các màu này được gọi là màu nguyên thủy. Năm 1613, nhà toán học, nhà vật lý học, kiến trúc sư người Bỉ, Franciscus Aguilonius xuất bản cuốn sách *Opticorum libri sex* (Sáu cuốn sách về quang học), phát triển những nghiên cứu của Aristoteles, bổ sung thêm ba màu nguyên thủy là vàng (flavus), đỏ (rubeus), lam (caeruleus) cùng với niger và albus, trong đó rubeus là màu trung tâm, flavus được coi là nguồn sáng cạnh albus, caeruleus được coi là màu của bóng tối, cạnh niger.

Lý thuyết năm màu nguyên thủy albus, flavus, rubeus, caeruleus, niger cũng được nhà hóa học Ireland, Robert Boyle đưa ra trong cuốn *Experiments and considerations touching colours* (Thực nghiệm và cân nhắc tiếp cận màu sắc) xuất bản năm 1664. Từ ba màu nguyên thủy flavus, rubeus, caeruleus kết hợp từng cặp tạo ra màu nhị nguyên bao gồm màu cam (aureus) là sự pha trộn của flavus và rubeus, màu lục (viridis) là sự pha trộn của caeruleus và flavus, màu tím (purpureus) là sự pha trộn của rubeus và caeruleus.



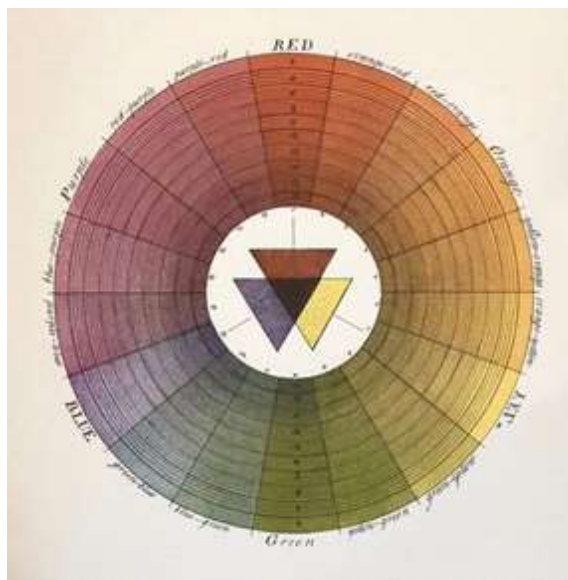
H.1.18: Biểu đồ màu sắc của Franciscus Aguilonius trong cuốn *Opticorum libri sex*

Năm 1704, nhà bác học người Anh Issac Newton đưa ra khái niệm vòng màu (color circle) trong cuốn sách *Opticks: or a treatise of the reflexions, refractions, inflexions and colours of light* (Quang học: hay là khảo luận về phản xạ, khúc xạ, biến đổi và màu sắc của ánh sáng), thí nghiệm của Newton cho thấy ánh sáng trắng đi qua lăng kính đã tách thành các màu đỏ (red), cam (orange), vàng (yellow), lục (green), lam (blue), chàm (indigo), tím (violet), Newton xem tất cả các màu này là màu nguyên thủy, còn gọi là màu sơ cấp, vì màu sắc của ánh sáng không thay đổi khi bị khúc xạ. Từ thí nghiệm, Newton phát hiện ra màu đỏ tía (magenta) khi cho ánh sáng màu đỏ (red) chồng lên ánh sáng màu tím (violet). Tuy nhiên, có sự khác

ARTS

biệt giữa pha trộn màu ánh sáng và pha trộn màu hội họa. Sự kết hợp của tất cả các ánh sáng đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím sẽ tạo ánh sáng trắng, trong khi đỏ, pha trộn các sắc tố màu hội họa, các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím kết hợp với nhau với cùng tỷ lệ sẽ tạo thành màu đen, đây chính là mâu thuẫn về lý thuyết màu của Newton khi đồng nhất màu ánh sáng và màu hội họa. Năm 1710, họa sỹ người Đức, Jakob Christoph Le Blon phát minh kỹ thuật in sử dụng mô hình màu RYB, viết tắt của Red (Đỏ), Yellow (Vàng), Blue (Lam), giống với nguyên lý cơ bản của hệ màu in CMYK hiện nay. Năm 1725, Le Blon xuất bản cuốn sách song ngữ Anh-Pháp Coloritto, hay là sự hài hòa của hòa sắc trong hội họa, quy về thực hành cơ học (nguyên văn tiếng Anh: Coloritto: or the harmony of colouring in painting, reduced to mechanical practice, nguyên văn tiếng Pháp: L'Harmonie du coloris dans la peinture, reduite en pratique mécanique) cho rằng màu vàng, màu đỏ và màu lam có thể biểu thị cho tất cả các vật thể nhìn thấy được trong hội họa, các màu khác là sự pha trộn của ba màu đó, Le Blon gọi đây là những màu nguyên thủy (nguyên văn tiếng Anh: Painting can represent all visible objects with three colours, yellow, red and blue, for all other colour can be composed of these three, which I call primitive, nguyên văn tiếng Pháp: La peinture peut représenter tous les objets visibles avec trois couleurs, savoir le jaune, le rouge et le bleu, car toutes les autres couleurs se peuvent composer de ce trois, que je nomme couleurs primitives), sự pha trộn ba màu này sẽ tạo ra những màu khác nhau, trong đó bao gồm màu đen (nguyên văn tiếng Anh: A mixture of those three original colours makes a black and other colours, nguyên văn tiếng Pháp: Le mélange de ces trois couleurs primitives ensemble produit le noir et toutes les autres couleurs). Trong nội dung cuốn sách Coloritto, Jakob Christoph Le Blon đưa ra sự khác biệt giữa hòa sắc màu ánh sáng và hòa sắc màu trong hội họa khi cho rằng màu trắng là sự tập trung hoặc dư thừa ánh sáng và màu đen là sự mất đi hoặc thiếu ánh sáng (nguyên văn tiếng Anh: White is a concentrating or an excess of lights. Black is a deep hiding or privation of light, nguyên văn tiếng Pháp: Le blanc est une concentration ou excès de lumière. Le noir est une privation ou défaut de lumière). Quan điểm của Le Blon về sự khác biệt giữa màu hội họa và màu ánh sáng khởi đầu cho lý thuyết hòa sắc cộng màu và lý thuyết hòa sắc trừ màu sau này.

Năm 1766, nhà côn trùng học người Anh, Moses Haris xuất bản cuốn sách The natural system of colours (Hệ thống bản chất của màu sắc), đưa ra vòng màu với các mức độ sắc độ khác nhau căn cứ trên ba màu sơ cấp là yellow (vàng), red (đỏ) và blue (lam) kết hợp với ba màu nhị nguyên, còn gọi là màu thứ cấp là purple (tím), green (lục), orange (cam).



H.1: Vòng màu của Moses Haris chỉ ra các dãy sắc màu được tạo ra từ ba màu sơ cấp là vàng (yellow), đỏ (red), lam (blue).

Năm 1810, Johann Wolfgang von Goethe xuất bản cuốn sách Zur Farbenlehre (Lý thuyết màu sắc) đưa ra bản chất, chức năng và tâm lý của màu sắc, tuy nhiên, những luận điểm được chú ý nhất là sự ảnh hưởng của màu sắc tới tâm lý, được ghi nhận từ trực giác, có ý nghĩa rất lớn đối với hội họa. Sắc thái cảm xúc bị chi phối bởi màu sắc như màu vàng tạo cảm giác vui tươi, màu cam tạo cảm giác ấm áp, màu lam tạo cảm giác yên tĩnh, âm đạm, màu tím tạo cảm giác lo âu v.v. Ngoài ra, theo lý thuyết của Goethe, yếu tố màu sắc cũng tạo ảo giác đối với cảm nhận thị giác như vật thể có màu xám nhìn nhỏ hơn vật thể có cùng kích thước màu sáng. Johann Wolfgang Goethe là người đầu tiên đưa ra được lý thuyết tác động của màu sắc tới yếu tố tâm lý. Từ những nghiên cứu màu sắc, các họa sỹ châu Âu đã ứng dụng sáng tạo cho hội họa, tạo nên những tác phẩm giàu cảm xúc nhưng cũng không làm mất đi tính hiện thực vốn có của nghệ thuật.

2. Những nghiên cứu về màu sắc ảnh hưởng tới trường phái nghệ thuật châu Âu từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20

Tinh thần duy mỹ không có vị trí cho những khuôn mẫu cứng nhắc của lý trí, các họa sỹ châu Âu cuối từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 đã thoát li dần với những nguyên tắc, định luật của nghệ thuật kinh viện trước đó, theo đuổi ý tưởng thuần phác, chân thực bằng những hình thức mới lạ và giàu sáng tạo hơn, dùng tinh thần và ý thức bên trong để biểu đạt ý tưởng nhằm thỏa mãn đam mê thị giác, hơn nữa, duy trì giá trị truyền thống hay chống lại truyền thống thì nghệ thuật cũng cần sự phong phú, đa dạng hình thức thể hiện và không ngừng biến đổi. Những nghiên cứu về

màu sắc đã ảnh hưởng rất lớn tới trào lưu nghệ thuật thời bấy giờ, xác định ba màu nguyên thủy là vàng, đỏ và lam rất có ý nghĩa trong hòa sắc của hội họa, trong đó có yếu tố loại bỏ màu đen ra khỏi hòa sắc. Mặt khác, nửa đầu thế kỷ 19, Nicéphore Niépce, nhà phát minh người Pháp, phát minh ra công nghệ chụp ảnh, vốn cũng có nhiều yếu tố tương đồng với tạo hình đã làm cho nghệ thuật hội họa phải điều chỉnh để tồn tại, chủ nghĩa tả thực hấp thụ những tinh hoa từ nhiếp ảnh, nhưng cũng tự biến đổi để một bức tranh nghệ thuật không phải là một bức ảnh cơ học. Theo lý thuyết màu của Moses Haris, màu bổ túc cho một trong ba màu sơ cấp đó là hai màu sơ cấp còn lại pha trộn với nhau. Theo nguyên lý này thì màu đỏ có màu bổ túc là màu lục (lam pha trộn với vàng), màu vàng có màu bổ túc là màu tím (lam pha trộn với đỏ), màu lam có màu bổ túc là màu cam (vàng pha trộn với đỏ). Những định luật về màu bổ túc thường được các họa sỹ sử dụng bên cạnh các màu sắc trung tính, những hòa sắc của các cặp màu bổ túc lẫn nhau thường tăng cường cho ánh sáng. Sử dụng sự biến ảo của yếu tố vật lý màu sắc, trường phái Ấn tượng (tiếng Anh: impressionism, tiếng Pháp: impressionisme) với lối vẽ màu đan xen như muốn diễn tả chiều thứ tư của không gian trên mặt phẳng, đó là chiều thời gian, chứ không chỉ diễn tả không gian ba chiều thuần túy, có thể thấy trong tranh *Impression, soleil levant* (Ấn tượng, mặt trời mọc), *Terrasse à Sainte-Adresse* (Vườn ở Sainte-Adresse) của Claude Monet. Lối vẽ trực họa thiên nhiên cho các nghệ sỹ trường phái Ấn tượng cảm nhận về đẹp của thế giới tự nhiên không phải là sự bất động, mà là vẻ đẹp của sự biến ảo theo thời gian, chính sự biến ảo đó được tái hiện lại trong hội họa. Màu sắc được đặt cạnh nhau theo nguyên lý hòa sắc tạo sự sinh động và tươi sáng. Tiếp nối phương thức sử dụng hòa sắc của trường phái Ấn tượng, Trường phái Hậu ấn tượng (tiếng Anh: post-impressionism, tiếng Pháp: post-impressionisme) có các tác phẩm Ngôi nhà với bức tường bị nứt, Con đường phía trước dãy núi, Saint-Victoire của Paul Cézanne, Quán cà phê đêm ở Arles, Kí ức khu vườn Etten, Đồng lúa mỳ với những con quạ của Vincent Van Gogh, Chúng ta là ai, chúng ta từ đâu đến, chúng ta sẽ về đâu của Paul Gauguin, Những cầu thủ bóng đá của Henri Rousseau, tất cả được hòa sắc theo nguyên lý màu bổ túc. Trường phái Tân ấn tượng (tiếng Anh: neo-impressionism, tiếng Pháp: néo-impressionisme) với nghệ sỹ Georges-Pierre Seurat, Camille Pissaro, Paul Signac, Théo Van Rysselberghe, Henri-Edmond Cross dựa trên những nguyên lý khoa học để tạo sự cộng hưởng màu sắc. Phương pháp sử dụng những màu thuần sắc để chấm những điểm nhỏ cạnh nhau để tạo hòa sắc sống động và lung linh đối với thị giác. Phương pháp được thể hiện trong tranh *Rạp xiếc, Một chiều chủ nhật trên đảo La Grande Jatte, Tắm ở Asnières* của Georges-Pierre Seurat, *Palais des Papes Avignon, Chân dung*

Félix Fénéon, *Cảng Saint-Tropez* của Paul Signac, *Mùa gặt, Mùa gặt ở Éragny-sur-pet, Những cây dẻ ở Osny* của Camille Pissaro, *Chân dung Irma Sèthe, Bốn cô gái tắm, Người vợ Maria và cô con gái Elisabeth* của Théo Van Rysselberghe, *Bãi biển Saint-Clair, Vịnh Cavalière, Ngôi nhà màu hồng* của Henri-Edmond Cross. Phương pháp này dựa trên lý thuyết về màu sắc của nhà hóa học người Pháp Michel Eugène Chevreul trình bày trong cuốn *De la loi du contraste simultané des couleurs* (Về quy luật tương phản đồng thời của màu sắc) được xuất bản năm 1839. Michel Eugène Chevreul cho rằng màu sắc bị chi phối và ảnh hưởng khi đặt cạnh nhau, mặc dù trên thực tế, màu sắc không biến đổi và sự thay đổi hiệu ứng đến từ thị giác. Như vậy, theo nguyên lý về sự tương phản đồng thời, để có được hòa sắc rực rỡ, chúng ta đặt cạnh nhau các màu bổ túc, hòa sắc này có thể thấy trong tranh của các họa sỹ trường phái Dã thú (tiếng Anh: fauvism, tiếng Pháp: fauvisme) như *Le chat aux poissons rouges* (Mèo cùng cá đỏ), *L'harmonie en rouge* (Hòa âm màu đỏ) của Henri Matisse, *La phare de Collioure* (Ngọn hải đăng Collioure), *Le port de Londres* (Bến cảng Luân Đôn) của André Derain, *Le matin à Cavalière* (Buổi sáng ở Cavalière), *La pinède à Cavalière* (Rừng thông ở Cavalière) của Henri Manguin, *La moisson* (Mùa gặt), *Les ramasseurs des pommes de terre* (Những người nhặt khoai tây) của Maurice de Vlaminck v.v. Cách sử dụng màu bổ túc trong hội họa còn thấy ở trường phái Biểu hiện (tiếng Anh: expressionism, tiếng Pháp: expressionisme) với tác phẩm *Mặt nạ diễn viên*, của Paul Klee, *Tiếng thét* của Edvard Munch, *Chân dung tự họa* của Oskar Kokoschka, *Con ngựa xanh, Số phận loài vật, Con hổ, Bò vàng, Con cáo, Con khỉ nhỏ* của Franz Marc v.v. trong đó cặp màu đỏ-xanh, lam-cam được sử dụng phổ biến.

Năm 1879, Ogden Nicolas Root, nhà vật lý người Mỹ xuất bản cuốn *Modern chromatics, with applications to art and industry* (Màu sắc hiện đại, ứng dụng cho nghệ thuật và công nghiệp). Giống với Michel Eugène Chevreul, lý thuyết của Ogden Nicolas Root ảnh hưởng tới trường phái Ấn tượng và Tân ấn tượng, đặc biệt ảnh hưởng tới phương pháp phân điểm (tiếng Anh: pointillism, tiếng Pháp: pointilisme) của các danh họa Georges-Pierre Seurat, Camille Pissaro, Paul Signac, Théo Van Rysselberghe, Henri-Edmond Cross. Trong lý thuyết nghiên cứu, Ogden Nicolas Root cho rằng những chấm nhỏ hoặc nét cạnh nhau, có màu sắc khác nhau, khi nhìn từ một khoảng cách nhất định sẽ trộn với nhau tạo thành màu mới. Nguyên lý này cũng giống với lý thuyết nghiên cứu màu sắc của Michel Eugène Chevreul. Từ lý thuyết màu sắc của Michel Eugène Chevreul và Ogden Nicolas Root, kết hợp với ứng dụng trong hội họa của các họa sỹ trường phái Tân ấn tượng, chúng ta nhận thấy rằng, hòa sắc đôi khi không phải là sự pha trộn

ARTS

Về kỹ thuật hát, giữa các ca sĩ có nhiều mức độ khác nhau. Đại đa số thành viên CLB hát một cách bán năng. Một số ca sĩ biết kỹ thuật thanh nhạc cơ bản, thậm chí có người có trình độ thanh nhạc ngang bằng ca sĩ chuyên nghiệp như một số thành viên trong CLB Diepkhuc.EU. Nhiều người cho biết, họ vừa tham gia hát vừa trao đổi, tự học thanh nhạc online để nâng cao chất lượng giọng hát của mình.

Hiện nay, trên Facebook, các CLB ca hát rất phát triển, ngày càng nhiều CLB mới ra đời. Số lượng thành viên của các CLB luôn biến động tăng, giảm phụ thuộc vào sức hấp dẫn bởi các sinh hoạt CLB, nhưng nhìn chung là ngày càng tăng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một vài CLB mờ nhạt dần do tổ chức sinh hoạt ca hát, tương tác đã nhàm chán mà không được đổi mới. Các CLB này ngày càng ít người tham gia lên sóng hát hoặc cổ vũ.

2.2. *Khái quát về thanh nhạc và dạy - tự học thanh nhạc online*

a) *Về thanh nhạc*

Thanh nhạc chính là nghệ thuật Hát. Hát khác nói bình thường ở chỗ người ta phát âm ngân nga giọng lên chứ không phát âm bình thường, rời rạc như nói. Ai cũng có thể ngân giọng. Tuy nhiên, nếu không nói đến âm sắc của giọng, bẩm sinh thì có người ngân giọng lên nghe thấy nhẹ nhàng, thanh thoát, vang vọng; hoặc có người ngân giọng lên lại thấy khó khăn, nặng nề, xin và bí. Đó là do năng khiếu thanh nhạc của mỗi người khác nhau. Nói năng khiếu thanh nhạc thì có vẻ đặc biệt, nhưng thực chất đó chỉ là các phản xạ tự nhiên của cơ quan phát âm phù hợp mức độ nào với cơ chế hát mà thôi. Nếu các phản xạ này trùng khớp đúng với cơ chế hát thì giọng hát tự nhiên nghe sẽ thấy hay, nếu các phản xạ đó không trùng khớp đúng với cơ chế hát thì giọng hát tự nhiên nghe sẽ thấy không hay. Tuy nhiên, ai cũng có thể luyện tập để điều chỉnh cho phản xạ tự nhiên sai dần trở nên đúng theo cơ chế hát. Quá trình luyện tập này gọi là luyện thanh. Luyện thanh bao gồm luyện tập hơi thở cho tiếng hát khoẻ, âm thanh phát ra có lực; luyện tập phát âm cho âm thanh phát ra nông, nét, đầy đặn, thanh thoát; luyện tập các mẫu âm cho hát được rõ âm thấp, lên được âm cao và chuẩn xác về giai điệu. Còn truyền cảm thế nào thì phụ thuộc cá tính, cách xử lý bài của từng người.

Hát có nhiều kiểu kỹ thuật phù hợp với từng thể loại ca khúc như: kỹ thuật hát nhạc thính phòng (nhạc kịch - nhạc đỏ), kỹ thuật hát nhạc rock, kỹ thuật hát nhạc pop, kỹ thuật hát nhạc bolero, kỹ thuật hát dân ca... cho nên ai hát loại nhạc nào nên dùng đúng kỹ thuật hát loại nhạc đó thì mới thể hiện được hết cái hay của nó. Trong số các kỹ thuật hát trên thì kỹ thuật hát nhạc kịch (bel canto) cho giọng rất vang, to có thể

không cần dùng tới micro. Ca sĩ hát nhạc đỏ cũng dùng kỹ thuật hát này nhưng ở mức độ vừa phải. Còn hát nhạc rock, họ có thể dùng cả giọng pha (mix voice). Hát nhạc pop, ca sĩ thường dùng giọng ngực (chest voice) đôi khi kết hợp với giọng óc (head voice). Hát nhạc bolero và hát dân ca, họ cũng chủ yếu dùng giọng ngực.

b) *Về dạy - tự học thanh nhạc online*

Ai cũng có tiềm năng luyện tập giọng hát của mình trở thành giọng hát hay. Vấn đề chỉ là tập luyện sao để hát cho đúng cơ chế hát, đúng kỹ thuật, phù hợp thể loại ca khúc chọn hát mà thôi. Còn ca sĩ chuyên nghiệp, ngôi sao, diva thì cần cố thêm nữa cái âm sắc giọng hát trời cho nghe hay, lạ hấp dẫn đặc biệt.

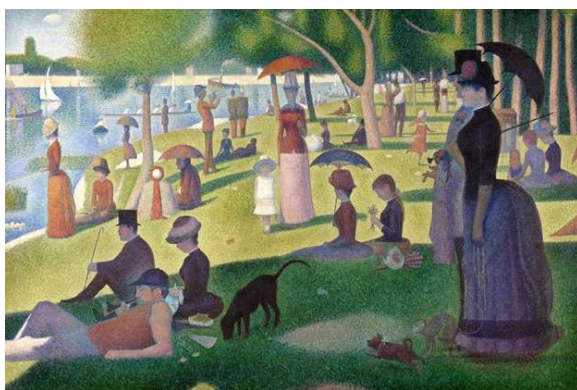
Nếu học thanh nhạc ngoài đời và trực tuyến đều có giáo viên thanh nhạc nghe và sửa cho học viên ngay trong quá trình học, thì tự học thanh nhạc online không có giáo viên nghe và nhận xét trong khi học, mà chỉ có video clip cho người học tự xem, tự nghe mẫu và tự làm. Vì vậy, để làm video clip dạy thanh nhạc online cho người tự học, đòi hỏi các giảng viên phải chọn cách diễn đạt chuẩn xác, ngắn gọn, nôm na, rành mạch và dễ hiểu.

Những giáo viên thanh nhạc đưa lên mạng những video clip hướng dẫn tự học thanh nhạc đa số đã từng học thanh nhạc ở các trường nhạc qua các hệ trung cấp, cao đẳng, đại học, một số người đã qua rèn luyện thực tế chuyên môn hoặc từng là ca sĩ nổi tiếng. Tuy nhiên, cũng không ít những người không rõ bằng cấp, trình độ chuyên môn cũng làm các video clip hướng dẫn tự học thanh nhạc đưa lên mạng. Ngoài những video của các giảng viên thanh nhạc trong nước, còn có nhiều video của các giảng viên thanh nhạc trên khắp thế giới. Họ dạy thanh nhạc theo nhiều trường phái và phương pháp khác nhau. Do đó, chất lượng của các video clip dạy tự học thanh nhạc cũng ở nhiều mức độ khác nhau.

Mặt khác, trên mạng còn có nhiều bài viết, hướng dẫn cách phát âm của nhiều cơ sở dạy hát. Thế nhưng, vấn đề phát âm - nhà chữ trong các bài viết nặng về miêu tả mơ hồ, thiếu hướng dẫn luyện tập cơ chế phát âm hệ thống nên không khả thi với người tự học. Đâu phải cứ làm theo họ viết thế mà phát âm nhà chữ đã đúng thì học hát quá dễ. Vấn đề là nhiều người học hát chưa thể tự nghe mà biết mình phát âm đúng hay chưa để nhận ta sai ở đâu. Thực tế, ngay cả khi có giáo viên thanh nhạc nghe nhận xét và sửa cho mà học viên còn vẫn cứ hát sai mãi. Cho nên, một vấn đề được đặt ra là giáo viên thanh nhạc phải tìm ra cách luyện thanh phù hợp với cơ chế hoạt động tự nhiên của bộ máy phát âm, để sao cho người học phát âm ra là dễ dàng vào đúng vị trí. Các thủ thuật đó - thực chất là những phương pháp luyện phát âm nhà chữ đặc biệt

ARTS

cơ học thuần túy của các màu sắc với nhau, mà còn là kết quả của sự pha trộn trên võng mạc của mắt, còn gọi là hòa sắc quang học, các màu sắc hòa trộn vào nhau không phải bằng cách pha các sắc tố màu sắc hội họa. Hòa sắc quang học còn có thể thấy trong các tác phẩm trước trường phái Tân ấn tượng như Chân dung tự họa, Đêm đầy sao của Vincent Van Gogh. Ngoài ra, yếu tố vật lý ánh sáng cũng được các họa sỹ khai thác triệt để, ví dụ đặt hai màu đối lập cạnh nhau, chúng ta có cảm giác hai màu nhấp nháy do bước sóng khác nhau của ánh sáng màu tác động tới sinh lý thị giác, chính vì vậy chúng không cảm nhận được hai màu tại cùng một thời điểm. Nguyên lý này được các họa sỹ thể hiện trong tranh khi diễn tả sự lấp lánh của mặt nước hay sự chuyển động của ánh sáng như trong tranh Bain à la Grenouillère (Bể tắm ở Grenouillère) của Claude Monet, La Seine au point du jour (Sông Seine ở thời điểm trong ngày), Pont de Villeneuve-la-Garenne (Cầu Villeneuve-la-Garenne), L'Innodation à Port-Marly (Lũ lụt ở Port-Marly) của Alfred Sisley, Paysage rivière (Cảnh sông) của Armand Guillaumin v.v.



H.1: Un dimanche après-midi à l'Île de la Grande Jatte (Một chiều chủ nhật trên đảo La Grande Jatte), Georges-Pierre Seurat, phương pháp phân điểm tạo hiệu ứng trộn màu theo nguyên lý sự tương phản đồng thời của Michel Eugène Chevreul và nguyên lý màu sắc của Ogden Nicolas Root, sự pha trộn màu tại võng mạc của mắt chứ không phải cách pha trộn cơ học.

Kết luận

Như vậy, các nghiên cứu về yếu tố vật lý, tâm lý và sinh lý của màu sắc và ánh sáng đã tác động tới sự thay đổi của các trường phái nghệ thuật châu Âu cuối từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, tạo ra trào lưu hội họa với hiệu ứng hòa sắc rực rỡ, sử dụng yếu tố ảo giác của màu sắc tạo ra những giá trị cảm xúc cho người xem. Vận dụng lý thuyết nghiên cứu vật lý màu sắc của Michel Eugène Chevreul và Ogden Nicolas Root, các họa sỹ Georges-Pierre Seurat, Camille Pissaro, Paul Signac, Théo Van Rysselberghe, Henri-Edmond Cross tạo phương pháp phân điểm trong hội họa, hình thành trường phái nghệ thuật Tân ấn tượng dựa trên nguyên lý về sự tương phản đồng thời, kết

quả đó minh chứng cho mối liên hệ cơ hữu giữa khoa học và nghệ thuật. Bước sang thế kỷ 21, kỷ nguyên số hóa đã, đang và sẽ đặt ra những thách thức không hề nhỏ, sự thích ứng và thích nghi hài hòa giữa yếu tố cảm xúc và công nghệ chính là yếu tố quyết định cho nghệ thuật hướng tới tầng thứ cao hơn về biểu đạt, kế thừa những bài học kinh nghiệm về vận dụng những yếu tố mang tính quy luật của khoa học vào nghệ thuật, làm phong phú và đa dạng sắc thái cảm xúc cho nền nghệ thuật đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Susie Hodge (Bản dịch của Phan Nữ Ngọc Linh) (2018), *Câu chuyện nghệ thuật*, Nxb Dân Trí, ISBN: 978-604-88-6623-5
2. Nguyễn Hồng Hưng (2016), *Nguyên lý Design thị giác*, Nxb Đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh, ISBN: 978-604-73-4478-9.
3. Kandinsky (Bản dịch của Nguyễn Hữu Tâm-Trần Vinh) (2019), *Về cái tinh thần trong nghệ thuật*, Nxb Đà Nẵng.
4. Huỳnh Văn Mười (2019), *Nghệ thuật thị giác, những vấn đề cơ bản*, Nxb Mỹ thuật, ISBN: 978-604-78-9243-3.
5. Roger Scruton (Bản dịch của Thái An) (2016), *Dẫn luận cái đẹp*, Nxb Hồng Đức, ISBN: 978-604-86-8402-0.
6. Phạm Công Thành (2012), *Luật xa gần*, Nxb Mỹ thuật.